

Số: 03/2024/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 102/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trương Đình A, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn C, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Đình A và chị Nguyễn Thị Diễm T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về nuôi con chung*: Anh Trương Đình A và chị Nguyễn Thị Diễm T thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên là Trương Ngọc S, sinh ngày 17/7/2015 và Trương Minh D, sinh ngày 04/01/2019. Hiện tại, con Trương Ngọc S đang ở với anh Trương Đình A và con Trương Minh D đang ở với chị T.

Hai bên thoả thuận: Giao con Trương Ngọc S cho anh Trương Đình A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Trương Minh D cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), không bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào. Sau khi ly hôn, hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đình chỉ yêu cầu giải quyết tài sản của anh Trương Đình A gồm: 01 thửa đất số 914, tờ bản đồ số 8, diện tích 110,6m² địa chỉ tại thôn B, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình số CL 784197 mang tên Trương Đình A và Nguyễn Thị Diễm T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 18/01/2018.

+ Đình chỉ yêu cầu giải quyết phần nợ của chị Nguyễn Thị Diễm T gồm: Nợ bà Trần Thị Y, địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

- *Về án phí*: Căn cứ Điều 147, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Trương Đình A và chị Nguyễn Thị Diễm T mỗi người chịu 75.000 đồng án phí ly hôn, anh A thỏa thuận chịu thay án phí ly hôn cho chị T. Số tiền án phí anh A phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.550.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng); trả lại cho anh Trương Đình A số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0004209, ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Diễm T số tiền 3.125.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tài sản đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003757, ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã A;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

